

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÚI THÀNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2021

Vv “*Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Thắng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Minh Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Cúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Tư Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa:*  
Bà Phạm Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Nh, tỉnh Quảng Nam

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn T 1, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2019. Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau ở xã T đến năm 2020 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do quan điểm, lối sống hai người khác nhau, giữa hai người thường xuyên bất đồng quan điểm. Hiện tại hai người không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc lo lắng cho nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Hai người có một con chung tên Phạm Phụng N, sinh năm 2019. Hiện đang ở với bà, bà yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

+ Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

- Đối với bị đơn là ông Phạm Văn T:

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham dự phiên tòa đã được niêm yết hợp lệ hai lần nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu quan điểm như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng đối với bị đơn mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử là đúng quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của hai người là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa hai người phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống hai người không còn hợp nhau. Đến nay hai người không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc lo lắng cho nhau. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Phạm Văn T có một con chung tên Phạm Phương N, sinh năm 2019. Từ trước đến nay do bà L nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục. Bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, cháu Ny dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ny cho bà L nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Anh Nam nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Bị đơn cư trú tại xã Tam Anh Nam, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện

Núi Thành xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng với quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định, đã triệu tập các đương sự đến hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa ông T với bà L phát sinh mâu thuẫn. Hai người không tự khắc phục được nên dẫn đến việc bà L yêu cầu ly hôn. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tư tưởng, lối sống của hai người không phù hợp với nhau, hai người thường xuyên bất đồng quan điểm. Đến nay hai người không còn sống chung, không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông T không đến, điều này chứng tỏ ông đã bỏ mặc cuộc hôn nhân, không còn muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với quy định tại điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Phạm Văn T có một con chung tên Phạm Phụng N, sinh ngày năm 2019. Hiện do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ trước đến nay, bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý và không làm thay đổi môi trường sống của cháu Ny, nên tiếp tục giao cho chị L nuôi dưỡng là đúng với yêu cầu của phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của của bà L, giao cháu Ny cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng;

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Phạm Văn T không yêu cầu giải quyết

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Phạm Văn T không yêu cầu giải quyết

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 48, 49, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với ông Phạm Văn T;

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L được ly hôn với ông Phạm Văn T.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Phương N, sinh ngày 2019, cho đến cháu Ny khi đủ 18 tuổi, bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con;

Ông Phạm Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con;

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và cho vay mượn nợ: Bà Trần Thị Mỹ L và ông Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp ngày 11/5/2021 theo biên lai thu số 0003281 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THADS huyện Núi Thành;
- UBND xã Tam Anh Nam;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Thắng**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Kim Cúc Dương Minh Ngọc**

**Nguyễn Công Thắng**

